TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2017/HSST
Ngày: 06-9-2017.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn.

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1.Hoàng Minh T - Sinh ngày 24/10/1991; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 09, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Con ông: Hoàng Tiến Q, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị M, sinh năm 1967, trú tại tổ 09, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học, học hết lớp 11/12 sau đó ở nhà lao động tự do. Bản án số 161/2009/HSST ngày 08/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", đã được xóa án tích. Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2017 đến ngày 21/6/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình; Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Thế A (Đặng Xuân B) – Sinh ngày 05/5/1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Con ông: Đặng Xuân G, sinh năm 1954, trú tại thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình và bà Vũ Thị N, sinh năm 1956, trú tại xóm 5, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình; Gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980; Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Bản án số 30/2016/HSST ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/3/2017, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học, học hết lớp 6/12 sau đó ở nhà lao động tự do. Bản án số 127/2011/HSST ngày 23/8/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích; Quyết định số 2886/QĐ-CT ngày 01/10/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Giáo dục – Chữa bệnh – Lao động xã hội thành phố Thái Bình với thời hạn 12 tháng; Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2017 đến ngày 21/6/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình; Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h30 phút, ngày 14/6/2017, Đặng Thế A điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Visson màu đen biển số 17B9 – 074.12 từ nhà lên thành phố T chơi, khi đến khu vực tổ 09, phường L, thành phố T gặp Hoàng Minh T là bạn quen biết ngoài xã hội, T nói: "Anh em mình góp tiền đi mua ma túy về sử dụng đi", A đồng ý góp 100.000 đồng đưa cho T, T bỏ ra 100.000 đồng, tổng là 200.000 đồng, T cầm tiền lên xe A chở, cả hai đi đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình thuộc tổ 23, phường C, thành phố T. Khi vào sân bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình cả hai gặp một người nam giới khoảng 30 tuổi không biết tên và địa chỉ, T hỏi người này: "Anh có ma túy đá không bán cho em 200.000 đồng", người nam giới trả lời: "Đưa tiền đây", T đưa người này 200.000 đồng, người nam giới nhận tiền và đưa cho T 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, T cầm và cho vào túi quần bên phải đang mặc, sau đó lên xe A chở đi tìm chỗ để sử dụng, khi ra đến cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình thì tổ công tác của Công an thành phố T yêu cầu A dừng xe kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Trần Văn N, sinh năm 1993, trú tại thôn Y, xã P, thành phố T và anh Dương Ngọc O, sinh năm 1995, trú tại tổ 02, phường X, thành phố T, T đã tự giác lấy từ túi quần bên phải ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon

màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, T và A khai nhận đó là ma túy đá A và T góp tiền mua để sử dụng cho bản thân. Kiểm tra thu giữ tại túi quần bên phải T đang mặc 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại Masstel màu đen và 100.000 đồng; kiểm tra thu giữ tại túi quần bên trái của A 01 điện thoại Masstel màu tím; kiểm tra xe máy biển số 17B9 -074.12 của A không phát hiện, thu giữ gì, tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số 240/KLGĐ - PC54 ngày 15/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, trọng lượng **1,5370** gam (một phẩy năm nghìn ba trăm bảy mươi gam).

Cáo trạng số 144/KSĐT ngày 15/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Hoàng Minh T và Đặng Thế A về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên toà hôm nay, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng khoản 1 điều 194; Điểm p khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 điều 7; Điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 194; Điểm g khoản 1 điều 48; Điểm p khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 điều 7; Điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đặng Thế A (Đặng Xuân B) mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định.

+ Trả lại bị cáo Hoàng Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen và 100.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Đặng Thế A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu tím nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội, phấn đấu trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau;

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo là chứng cứ để kết tội lẫn nhau và được chứng minh bởi các chứng cứ khác như:

+ Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố T lập hồi 22 giờ 15 phút ngày 14/6/2017 tại Trụ sở Công an thành phố T (BL 05-08).

+ Biên bản niêm phong vật chứng lập hồi 23 giờ 30 phút ngày 14/6/2017 tại Trụ sở Công an thành phố T (BL 45).

+ Bản kết luận giám định số 240/KLGĐ-PC54 ngày 15/6/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (BL 48).

+ Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người làm chứng là anh Trần Văn N, sinh năm 1993, trú tại thôn Y, xã P, thành phố T và anh Dương Ngọc O, sinh năm 1995, trú tại tổ 02, phường X, thành phố T (BL 51-60).

Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 22 giờ, ngày 14/6/2017, tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình thuộc tổ 23, phường C, thành phố T, Hoàng Minh T và Đặng Thế A có hành vi tàng trữ trái phép 1,5370 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vì vậy, các bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 194 BLHS tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma tuý thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

Xét tính chất mức độ hậu quả của vụ án thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước ta, đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt của Nhà nước và nhân dân ta, nhằm đẩy lùi và loại trừ tội phạm ma tuý ra khỏi đời sống xã hội. Ma tuý đã gây ra những tác hại khôn lường cho sức khoẻ, trí tuệ, nhân cách và nòi giống con người, ma tuý còn gây ra biết bao hiểm hoạ nghiêm trọng khác cho xã hội, là nguồn gốc phát sinh hàng loạt các loại tội phạm, là tác nhân lan truyền đại dịch thế kỷ HIV-AIDS, là yếu tố phá vỡ hạnh phúc biết bao gia đình có người nghiện…

Tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện là tội phạm nghiêm trọng, vì vậy, Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo, và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử cần đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án để cá thể hoá hình phạt với các bị cáo nh□sau:

Bị cáo Hoàng Minh T là người khởi xướng, rủ rê Đặng Thế A thực hiện hành vi phạm tội, cùng góp tiền và là người trực tiếp mua ma túy nên bị cáo giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Đặng Thế A là người tiếp nhận ý chí của bị cáo T, cùng góp tiền, dùng xe máy của mình để chở T cùng đi mua ma túy, thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, mặc dù bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án nhưng bị cáo có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu mức hình phạt tương đương với bị cáo T. Với việc đánh giá vai trò của các bị cáo như trên, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Các bị cáo có sức khỏe, có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định, tuy nhiên do

lười lao động, thiếu ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, thiếu sự rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên đã phạm tội. Do đó, các bị cáo phải chịu sự trừng trị của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Minh T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Đặng Thế A có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Theo quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 điều 249 (Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy) của Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 điều 7; Điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt theo hướng có lợi đối với các bị cáo.

Về nguồn gốc số ma tuý: Các bị cáo khai mua của một người nam giới khoảng 30 tuổi, không quen biết ở trong sân Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, thuộc tổ 23, phường C, thành phố T nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

Về vật chứng vụ án: - Số ma tuý thu giữ của các bị cáo được hoàn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, số tiền 100.000đ thu của bị cáo T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu tím thu của bị cáo A, đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, biển kiểm soát 17B9 – 074.12, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Đặng Thế A nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980 là vợ của Đặng Thế A để quản lý và sử dụng là phù hợp quy định của pháp luật, cần chấp nhận. Chị Y đã nhận lại chiếc xe trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

Từ những nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Minh T và bị cáo Đặng Thế A (Đặng Xuân B) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng: Khoản 1 điều 194; Điểm p khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 điều 7; Điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 điều 194; Điểm g khoản 1 điều 48; Điểm p khoản 1 điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 điều 7; Điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đặng Thế A (Đặng Xuân B) **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định.

+ Trả lại bị cáo Hoàng Minh T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen và 100.000đ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại bị cáo Đặng Thế A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu tím nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 16/8/2017).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98; Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Hoàng Minh T và bị cáo Đặng Thế A (Đặng Xuân B) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Bình;
- Công an TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái